

Số: /BC-VKSTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

(Dự thảo)

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả nghiên cứu pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Nghị quyết số 1065/NQ-UBTVQH15 ngày 14/6/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, theo đó phân công Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng Dự án Luật TTTP về hình sự, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) và thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025), trên cơ sở Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và văn bản pháp luật có liên quan, VKSND tối cao đã tổ chức nghiên cứu pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự của một số quốc gia trên thế giới và các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên và báo cáo kết quả như sau:

I. Pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự của một số quốc gia trên thế giới

1. Bối cảnh nghiên cứu

Để phục vụ cho hoạt động lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự, VKSND tối cao đã tiến hành nghiên cứu, xác định các quốc gia được lựa chọn để nghiên cứu pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự. Những tiêu chí lựa chọn là (1) quốc gia có hệ thống pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật tiên tiến trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, có nhiều chế định có ưu điểm mà pháp luật tương trợ tư pháp hình sự Việt Nam lại có nhiều bất cập, vướng mắc; (2) quốc gia phát sinh nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự với Việt Nam; (3) quốc gia có hệ thống pháp luật tương đồng với Việt Nam; (4) quốc gia trong cùng khu vực. Trên cơ sở đó, Viện KSND tối cao đã nghiên cứu luật tương trợ tư pháp về hình sự của các nước Úc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Mỹ, Thụy Sĩ...

2. Vị trí, vai trò của pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự trong hệ thống pháp luật nước ngoài

Do hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự là kênh hợp tác quốc tế chính thức, ở cấp độ nhà nước, nhằm giúp thu thập chứng cứ, thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các quốc gia đều xây dựng khung pháp lý nhằm điều chỉnh hoạt động hợp tác này. Ở hầu hết các nước, tên gọi của văn bản pháp luật này là Luật tương trợ tư pháp (Act on Mutual Legal Assistance), ngoại trừ một số quốc gia sử dụng tên gọi khác (Ví dụ: Ở Nhật Bản có tên là Luật tương trợ quốc tế trong điều tra và các vấn đề hình sự khác). Luật tương trợ tư pháp nước ngoài đóng vai trò là khung pháp lý làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài; quy định về thẩm quyền lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cho nước ngoài đề nghị thực hiện. Nhìn chung, tương trợ tư pháp về hình sự là kênh hợp tác quốc tế quan trọng. Mỗi quốc gia vừa tạo điều kiện, dành cho nhau sự tương trợ tối đa nhưng đồng thời phải giữ vững quyền tài phán, quyền chủ quyền của quốc gia mình. Một số phạm vi tương trợ phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế luật định, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân, quyền về tài sản. Việc triển khai các hoạt động này phải đáp ứng những đòi hỏi, chuẩn mực pháp lý nhất định để bảo đảm giá trị tố tụng của kết quả thực hiện tương trợ và hợp tác về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Vì những lý do này, các quốc gia phải xây dựng Luật tương trợ tư pháp để tạo ra khung pháp lý, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Kết cấu của Luật

Nghiên cứu cho thấy, Luật tương trợ tư pháp của các nước trên thế giới không điều chỉnh chung cả 04 lĩnh vực: tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù như quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 của Việt Nam. Thay vào đó, Luật tương trợ tư pháp của nước ngoài chỉ điều chỉnh riêng hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Bên cạnh Luật tương trợ tư pháp, nước ngoài còn ban hành Luật về dẫn độ (Act on Extradition) và Luật về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Ví dụ: Nhật Bản, Úc, Thái Lan ban hành Luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; hay các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Xinh-ga-po,... đều đã xây dựng và ban hành luật riêng về dẫn độ. . Đối với hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự, một số quốc gia có Luật tư pháp quốc tế (International Private Law) điều chỉnh lĩnh vực này; một số thừa nhận các điều ước về tư pháp quốc tế là nguồn luật áp dụng trực tiếp cho hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (Ví dụ các công ước La Hay về tư pháp quốc tế). Điều đó cho

thấy, theo thông lệ quốc tế thì 04 hoạt động hợp tác quốc tế nêu trên (tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù) là những lĩnh vực hợp tác hoàn toàn khác nhau, được điều chỉnh bởi những luật chuyên ngành riêng biệt nhau, có phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh riêng. Trong đó, Luật tương trợ tư pháp chỉ điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Kết cấu của Luật tương trợ tư pháp của mỗi quốc gia có khác nhau; tuy nhiên, nhìn chung thường chia thành 04 phần, gồm: (1) Nhóm những quy định chung (Đối tượng điều chỉnh, phạm vi áp dụng hay mục đích, nhiệm vụ của luật; giải thích từ ngữ; mối quan hệ với điều ước quốc tế; áp dụng nguyên tắc có đi có lại; cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự; phạm vi tương trợ; căn cứ từ chối tương trợ, quy định về miễn trừ (bảo đảm an toàn); giới hạn sử dụng và bảo mật thông tin; chứng nhận và chứng thực); (2) nhóm các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tương trợ của nước ngoài; (3) nhóm những quy định về trình tự, thủ tục đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ; và nhóm những quy định khác/điều khoản thi hành.

3. Những chế định chính

a) Quy định về phạm vi tương trợ

Nhìn chung, Luật tương trợ tư pháp nước ngoài xác định nguyên tắc dành sự tương trợ tối đa cho nước yêu cầu trên cơ sở các quy định của hệ thống pháp luật trong nước và điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà họ là thành viên. Tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện cho nước ngoài đối với mọi vụ việc hình sự, trong tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử tội phạm. Ngoại trừ một số quốc gia không quy định các nội dung tương trợ cụ thể (thể hiện sự tương trợ rộng rãi và không có sự giới hạn), phần lớn quy định về phạm vi tương trợ đều xác định các nội dung tương trợ cụ thể. Nếu như quy định về phạm vi tương trợ theo Luật tương trợ tư pháp 2007 của Việt Nam (Điều 17) bao gồm các nội dung: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin và yêu cầu tương trợ khác, thì pháp luật nước ngoài, ngoài những nội dung tương trợ trên, còn quy định cụ thể những nội dung tương trợ khác. Ví dụ: tương trợ về nhận dạng và xác định chỗ ở của một người; tổ chức cho người làm chứng, người giám định, cán bộ có thẩm quyền sang nước ngoài hoặc đến nước mình tham gia hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; khám xét, thu giữ.

Đặc biệt quy định cụ thể nội dung tương trợ về xác minh, truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có. Đây là hình thức tương trợ đã được nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới quy định trong các đạo luật về tương trợ tư pháp hình sự. Ví dụ: Luật tương trợ tư pháp về hình sự Úc 1987 ban đầu quy định những nội dung tương trợ truyền thống. Kể từ khi Bộ

luật về tài sản có nguồn gốc phạm tội năm 2002 ra đời, Luật tương trợ tư pháp về hình sự đã bổ sung các quy định về phạm vi tương trợ liên quan đến xử lý, thu hồi tài sản có nguồn gốc tội phạm. Nội dung tương trợ này bao gồm tiếp nhận, thi hành các lệnh của nước ngoài yêu cầu phong tỏa, hạn chế, giám sát hay tịch thu tài sản có nguồn gốc tội phạm tồn tại ở Úc hoặc tiếp nhận yêu cầu của nước ngoài đề nghị tòa án có thẩm quyền ở Úc ban hành các Lệnh nêu trên sau đó thi hành trên thực tế. Đây là công cụ pháp lý hữu hiệu để cơ quan có thẩm quyền Úc tiến hành việc xử lý, thu hồi tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp ở nước ngoài và ngược lại, nước ngoài cũng có thể tiến hành việc xử lý, thu hồi tài sản ở Úc.

Luật TTTPHS Singapore có quy định cụ thể về khám xét và thu giữ, phong tỏa và tịch thu tài sản có liên quan đến tội phạm trong phạm vi tương trợ với nước ngoài.

Về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, Luật tương trợ tư pháp về hình sự của Thái Lan có quy định về việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa án nước ngoài đối với việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có hoặc cơ quan có thẩm quyền Thái Lan có thể ban hành lệnh tịch thu hoặc thu giữ tài sản. Việc ban hành lệnh tịch thu hoặc thu giữ tài sản tiến hành theo quy định của pháp luật Thái Lan.

Hoa Kỳ: Văn kiện pháp lý được áp dụng đối với hoạt động thu hồi tài sản gồm Bộ luật Hoa Kỳ (U.S.C). Quy định cụ thể liên quan: Một phần của Luật Hình sự: Tịch thu (Hình sự và Dân sự), Quy định chung về Tịch thu, Luật Thuế (IRS Seizure), Luật Hải quan (Vi phạm Hải quan), Thực thi Ma túy (Đạo luật về Chất bị Kiểm soát), Luật Di trú (Vi phạm Nhập cư). Quy tắc tố tụng hình sự liên bang: Tìm kiếm và thu giữ. Quy tắc tố tụng dân sự liên bang: Hoạt động tịch thu đối với tài sản, Tạm giữ người hoặc tài sản. Các Hiệp định tương trợ tư pháp hình sự, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Sổ tay chính sách tịch thu tài sản 2023.

Bên cạnh đó, quy định về phạm vi tương trợ theo pháp luật nước ngoài cũng xác định tương trợ tư pháp về hình sự không bao gồm: Dẫn độ hoặc giao nộp một người; bắt, giữ một người vì mục đích dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Quy định về từ chối tương trợ

Luật tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài đều có điều khoản quy định các căn cứ từ chối tương trợ và về cơ bản quy định này không có khác biệt lớn. So sánh với quy định về căn cứ từ chối tương trợ theo Luật tương trợ tư pháp 2007 của Việt Nam (Điều 21) cho thấy pháp luật nước ngoài:

- Có quy định căn cứ “Yêu cầu liên quan đến hành vi có tính chất chính trị hoặc tội phạm quân sự đồng thời không phải là tội phạm thông thường”;

- Có quy định căn cứ “Yêu cầu nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự một người vì lý do chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, địa vị xã hội của người đó, hoặc vì những lý do này mà người đó bị phân biệt, định kiến khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự”;

- Có quy định căn cứ “Yêu cầu liên quan đến tội phạm có khung hình phạt tử hình nếu nước yêu cầu không đưa ra cam kết không áp dụng án tử hình, hoặc áp dụng nhưng không thi hành”;

- Có quy định căn cứ “Nước yêu cầu không đưa ra cam kết sử dụng tài liệu kết quả tương trợ đúng mục đích tương trợ; không cam kết trả lại tài liệu, đồ vật là kết quả tương trợ cho khi có đề nghị”

- Có quy định căn cứ “Việc thực hiện tương trợ phát sinh chi phí đặc biệt lớn không thể chi trả.

Về kết cấu của quy định căn cứ từ chối tương trợ, một số quốc gia chỉ quy định loại căn cứ từ chối bắt buộc (Nhật Bản, Hàn Quốc); trong khi một số quốc gia chia thành 02 nhóm là từ chối bắt buộc và từ chối tùy nghi (Singapore, Úc, Thái Lan).

Ngoài quy định về căn cứ từ chối tương trợ, Luật tương trợ tư pháp của nước ngoài cũng quy định trường hợp hoãn thực hiện tương trợ cho nước ngoài nếu thấy ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trong nước.

c) Quy định về trình tự, thủ tục của hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

- Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tương trợ đến, gồm: các quy định về nội dung văn bản yêu cầu tương trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các loại yêu cầu tương trợ cụ thể (tổng đạt giấy tờ; nhận dạng, xác định chỗ ở của một người; triệu tập, lấy lời khai một người; thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức cho một người sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; tạm giữ, kê biên phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có;

- Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tương trợ đi, gồm các quy định về thẩm quyền, lập, gửi, đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp hình sự;

Nhìn chung quy định về trình tự, thủ tục của hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Luật tương trợ tư pháp các nước đều chia thành hai quy trình, là trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu của nước ngoài (trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đến) và trình tự, thủ tục gửi yêu cầu cho nước ngoài đề nghị thực hiện (trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đi). Tuy nhiên, mức độ quy định của hai quy định này có khác nhau. Ở nhiều nước, quy định trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đến

gồm nhiều điều khoản và cụ thể hơn quy định về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đi (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan); có nước quy định hai quy trình này với số lượng các điều khoản và mức độ cụ thể cân bằng nhau (như Úc...).

d) Những điều khoản khác

Bên cạnh những chế định nêu trên, Luật tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài còn quy định một số điều khoản khác, cụ thể:

- Quy định về chi phí: Các nước có quy định khác nhau về nghĩa vụ chi trả chi phí trong hoạt động tương trợ tư pháp, gồm những cách quy định sau:

+ Quy định nước yêu cầu phải chịu chi phí trừ khi có thỏa thuận khác giữa nước yêu cầu và nước được yêu cầu; chi phí tương trợ phát sinh trên lãnh thổ quốc gia mình thì có thể được chi trả bởi quốc gia mình (Hàn Quốc);

+ Quy định nước được yêu cầu chi trả các chi phí thông thường khi thực hiện tương trợ. Các chi phí phát sinh bất thường sẽ do quốc gia yêu cầu và quốc gia có liên quan chi trả theo các điều kiện đã được thỏa thuận trước (Mi-an-ma).

+ Không quy định chi phí trong tương trợ tư pháp (Singapore, Nhật Bản);

- Điều khoản thi hành: Các quy định về hiệu lực của Luật.

II. Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên

Bên cạnh các quy định pháp luật trong nước, những điều ước song phương và đa phương này là hợp phần quan trọng của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài. Trên cơ sở rà soát cho thấy các điều ước quốc tế có điều khoản về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên bao gồm:

1. Điều ước quốc tế đa phương

- Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước UNTOC); được thông qua ngày 15/11/2000; có hiệu lực từ ngày 29/9/2003. Hiện Công ước UNTOC có 189 quốc gia thành viên. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được quy định tại Điều 18 của Công ước. Việt Nam ký Công ước ngày 13/12/2000; phê chuẩn ngày 08/6/2012.

- Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng (Công ước UNCAC); được thông qua ngày 31/10/2003; có hiệu lực từ ngày 14/12/2005. Hiện Công ước UNCAC có 186 quốc gia thành viên. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được quy định tại Điều 46 của Công ước. Việt Nam ký Công ước ngày 10/12/2003; phê chuẩn ngày 30/6/2009.

- Công ước Liên Hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; được thông qua ngày 20/12/1988; có hiệu lực từ ngày 11/11/1990. Hiện Công ước có 190 quốc gia thành viên. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được quy định tại Điều 7 của Công ước. Việt Nam gia nhập Công ước ngày 04/11/1997.

- Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia ASEAN bao gồm 32 Điều; được thông qua ngày 29/11/2004. Hiện Hiệp định có hiệu lực với tất cả các quốc gia ASEAN.

2. Điều ước quốc tế song phương

a) Hiệp định điều chỉnh nhiều lĩnh vực tương trợ tư pháp, trong đó có tương trợ tư pháp về hình sự

Việt Nam hiện có 12 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh nhiều lĩnh vực tương trợ tư pháp, trong đó có về tương trợ tư pháp hình sự với các nước đang có hiệu lực, bao gồm:

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với CHXHCN Tiệp Khắc năm 1982 (hiện Cộng hòa Séc và Cộng hòa Slovakia kế thừa). Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 14 và Điều 58 - 60.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình và hình sự với Cộng hòa Hungary năm 1979. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 15 và Điều 75 - 78.

- Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Việt Nam và Hung-ga-ri năm 1986. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được quy định tại các Điều 76 – 78 và các điều khoản này đã được thay thế bằng Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự ký kết năm 2016.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Cộng hòa Cu Ba năm 1987. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 17 và Điều 75 – 78. Tuy nhiên, các điều khoản này đã được thay thế bằng Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cu Ba ký kết năm 2018.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình và hình sự với Cộng hòa Ba Lan năm 1993. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 15 và Điều 76 - 78.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với CHDCND Lào năm 1998. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 16 và Điều 54 - 58.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với Liên bang Nga năm 1998. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 17 và Điều 58 - 61.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với CHND Trung Hoa năm 1998. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 10 và Điều 25 - 30.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với Cộng hòa Ucraina năm 2000. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 17 và Điều 76 - 78.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình và hình sự với Mông Cổ năm 2000. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 16 và Điều 70 - 74.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Cộng hòa Belarus năm 2000. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 19 và Điều 63 - 66.

- Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với CHDCND Triều Tiên năm 2003. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại các Điều 1 – 15 và Điều 31 - 32.

Đặc điểm chung của những Hiệp định trên là được ký kết ở giai đoạn trước khi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có hiệu lực; điều chỉnh tương trợ tư pháp trong cả các vấn đề dân sự, gia đình, lao động, hình sự. Do vậy, các quy định về tương trợ tư pháp hình sự rất đơn giản, phần lớn chỉ mang tính nguyên tắc, hiện không còn đáp ứng với tình hình hiện nay. Tính tương thích của các Hiệp định này với pháp luật tương trợ tư pháp hình sự hiện hành là không cao.

b) Hiệp định điều chỉnh riêng lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự

Việt Nam hiện có 19 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh riêng về tương trợ tư pháp hình sự với các nước, bao gồm:

(1) Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự với Đại Hàn Dân Quốc năm 2005.

(2) Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự với Cộng hòa Ấn Độ năm 2007.

(3) Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa với Vương quốc Anh và Bắc Ai Len năm 2009.

(4) Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự với Cộng hòa An-giê-ri dân chủ và nhân dân năm 2010.

(5) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Cộng hòa In-đô-nê-xi-a năm 2013.

(6) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Ô-xtrây-li-a năm 2014

(7) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Vương quốc Tây Ban Nha năm 2015.

(8) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Vương quốc Cam-pu-chia năm 2016

(9) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Hung-ga-ri năm 2016.

(10) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với CH Pháp 2016).

(11) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Cộng hòa Ca-dắc-xtan năm 2017

(12) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với Cu Ba năm 2018.

(13) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Cộng hòa Mô-dăm-bích năm 2018.

(14) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với CHDCND Lào năm 2020.

(15) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Nhật Bản năm 2021.

(16) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan năm 2022.

(17) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Cộng hòa I-ta-li-a năm 2023

(18) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Cộng hòa Hồi giáo I-ran năm 2023.

(19) Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCNVN với Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất UAE năm 2023.

Nhìn chung, so với quy định của pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam tham gia thời gian gần đây được quy định theo hướng mở rộng hơn về phạm vi hợp tác; cập nhật hơn xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế trong cùng lĩnh vực; cụ thể như sau:

- *Quy định về phạm vi tương trợ*: Quy định theo hướng các bên tham gia ký kết dành cho nhau sự tương trợ tối đa trong quá trình giải quyết các vụ việc hình sự. Bên cạnh tương trợ tư pháp trong việc tổng đạt giấy tờ, lấy lời khai, cung cấp đồ vật, tài liệu, cung cấp thông tin tự nguyện, chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự (tương tự như quy định về phạm vi tương trợ tư pháp hình sự theo Điều 17 Luật tương trợ tư pháp 2007 (Điều 17) ...thì các điều ước còn quy định nhiều nội dung tương trợ tư pháp khác như xác định, nhận dạng người, đồ vật; lấy lời khai người làm chứng qua cầu truyền hình; khám xét, thu giữ; tổ chức cho người làm chứng, người giám định, người đang bị giam giữ sang nước yêu cầu hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; tương trợ về truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có.

- *Quy định về căn cứ từ chối thực hiện tương trợ*: Quy định nhiều căn cứ từ chối thực hiện tương trợ tư pháp mà pháp luật trong nước chưa quy định. Ví dụ: Trường hợp yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm chính trị, tội phạm quân sự; yêu cầu liên quan đến truy cứu trách nhiệm hình sự một người vì lý do quốc tịch, tôn giáo, sắc tộc, giới tính, quan điểm chính trị của người đó; yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm có khung hình phạt tử hình; việc thực hiện yêu cầu đòi hỏi khi nguồn lực lớn bất thường... Một số Hiệp định còn có điều khoản quy định không được coi bí mật ngân hàng là lý do từ chối thực hiện tương trợ.

- *Quy định về một số trình tự, thủ tục thực hiện các loại tương trợ cụ thể như*: Tổng đạt giấy tờ; lấy lời khai; khám xét, thu giữ; tổ chức cho người làm chứng, người giám định, người đang bị giam giữ sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; truy tìm, kê biên, phong, tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có, cộng cụ và phương tiện phạm tội.

- *Quy định về miễn trừ pháp lý, bảo đảm an toàn*: Quy định các trường hợp cụ thể những người tham gia thực hiện tương trợ tư pháp với vai trò người làm chứng, người giám định sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội xảy ra trước khi đến nước yêu cầu; không bị áp dụng các biện pháp tước đoạt tự do trong quá trình hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; không phải chịu trách nhiệm hình sự với lời khai của mình tại nước yêu cầu trừ khi khai báo gian dối hoặc có hành vi xúc phạm tòa án; người bị giam giữ khi sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ sẽ được khấu trừ thời gian giam giữ đối với thời gian có mặt tại nước yêu cầu.

- *Quy định về chứng nhận, chứng thực*: Quy định hồ sơ, tài liệu, kết quả tương trợ không phải chứng nhận, chứng thực hay hợp pháp hóa lãnh sự trừ khi một bên ký kết đề nghị chứng nhận, chứng thực.

- *Quy định về chi phí:* Quy định theo hướng nước được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện tương trợ tư pháp trừ một số chi phí mang tính chất đặc thù do nước yêu cầu chi trả. Nhìn chung những khoản chi phí do nước yêu cầu chi trả được quy định bao gồm: (1) chi phí liên quan đến chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; (2) tiền trợ cấp được chi trả, kinh phí đi lại và các chi phí cơ bản được hoàn trả cho người làm chứng hoặc người giám định và các chi phí khác phát sinh từ công việc giám định trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; (3) chi phí liên quan đến việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu; (4) các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ theo đề nghị của Bên được yêu cầu và thông báo cho Bên yêu cầu nhằm đặt ra các điều kiện để yêu cầu có thể tiếp tục được thực hiện.

- *Các điều khoản thi hành:* Các quy định về tham vấn; giải quyết bất đồng; mối quan hệ với thỏa thuận khác; hiệu lực của Hiệp định và chấm dứt Hiệp định.

III. Một số nội dung có thể tham khảo từ việc nghiên cứu Pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự nước ngoài, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên

Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự nước ngoài, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên, đặt trong mối quan hệ với những đặc điểm của hệ thống pháp luật và thực tiễn hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự tại Việt Nam, thì có thể rút ra một số nội dung sau để tham khảo trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam:

- Thứ nhất: Cần ban hành Luật tương trợ tư pháp về hình sự riêng biệt chỉ điều chỉnh lĩnh vực này; đồng thời, xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự, Luật về dẫn độ, Luật về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tạc và thay thế cho Luật tương trợ tư pháp năm 2007.

- Thứ hai: Kết cấu của Luật tương trợ tư pháp về hình sự nên bao gồm: Nhóm những quy định chung; nhóm những quy định về trình tự, thủ tục của hoạt động tương trợ (bao gồm trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đến và trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đi); nhóm quy định nhiệm vụ, quyền hành của cơ quan có thẩm quyền trong tương trợ tư pháp hình sự; và nhóm điều khoản thi hành.

- Thứ ba: Về quy định phạm vi tương trợ, cần quy định đầy đủ hơn các nội dung tương trợ cụ thể như: Tương trợ về nhận dạng và xác định chỗ ở của một người; tổ chức cho người làm chứng, người giám định, cán bộ có thẩm

quyền sang nước ngoài hoặc đến nước mình tham gia hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; khám xét, thu giữ; đặc biệt quy định cụ thể nội dung tương trợ về xác minh, truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có;

- Thứ tư: Về căn cứ từ chối tương trợ, nên thiết kế quy định này theo hướng chia thành hai nhóm căn cứ từ chối là từ chối bắt buộc (mặc nhiên từ chối tương trợ và từ chối tùy nghi (có thể xem xét tiếp nhận thực hiện hay từ chối để tạo sự linh hoạt, hỗ trợ tối đa cho nước ngoài nhưng quyền từ chối vẫn thuộc về phía Việt Nam).

- Thứ năm: Cần quy định theo hướng cụ thể các trình tự, thủ tục thực hiện các loại tương trợ cụ thể cho từng quy trình giải quyết yêu cầu đến và yêu cầu đi;

- Thứ sáu: Cần quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, bao gồm Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự, các cơ quan tiền hành tố tụng có thẩm quyền lập yêu cầu tương trợ gửi đi nước ngoài; phối hợp, thực hiện yêu cầu tương trợ của nước ngoài.

- Thứ bảy: Về quy định chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự, nên quy định theo hướng nước được yêu cầu sẽ chi trả các chi phí thông thường, phát sinh trên lãnh thổ của mình, nước yêu cầu chi trả các chi phí khác được quy định cụ thể (chi phí tổ chức cho người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành hình phạt tù sang nước yêu cầu để tham gia thực hiện tương trợ, chi phí tổ chức lấy lời khai của cầu truyền hình ... và các chi phí lớn bất thường khác).

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để thẩm tra);
- Chính phủ;
- Lưu: VT, V13, V14.

VIỆN TRƯỞNG

